

## HYBRID 1 PHA

# GEN3-LB-EU 6-8K

- Cấu trúc bên trong được tối ưu, giúp lắp đặt nhanh chóng, tiện lợi.
- 2 MPPT - Công suất PV thu được 12 kW, tối ưu hóa hiệu suất, thu được nhiều năng lượng hơn
- Dòng sạc/xả lên đến 180A, hỗ trợ tải cao liên tục, vận hành bền bỉ
- Chuẩn bảo vệ IP66. Phù hợp cho cả lắp đặt trong nhà và ngoài trời
- Tích hợp chống sét lan truyền Type II AC/DC Đảm bảo an toàn cho toàn hệ thống
- Thiết kế không quạt, hoạt động yên tĩnh, bảo trì thấp, phù hợp mọi môi trường
- Hỗ trợ song song 10 máy chạy 1 pha hoặc 3 pha



# THÔNG SỐ KỸ THUẬT

| Model                                                    | GEN3-LB-EU 6K                              |  | GEN3-LB-EU 8K      |  |
|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--|--------------------|--|
| Đầu vào (PV DC)                                          |                                            |  |                    |  |
| Công suất PV lắp đặt (Wp)                                | 12000                                      |  | 16000              |  |
| Công suất PV thu được tối đa (W)                         |                                            |  | 12000              |  |
| Điện áp PV đầu vào danh định (V)                         |                                            |  | 360                |  |
| Số chuỗi MPPT đầu vào                                    |                                            |  | 2/(2:2 )           |  |
| Điện áp PV đầu vào tối đa (V)                            |                                            |  | 530                |  |
| Dải điện áp hoạt động MPPT (V)                           |                                            |  | 150~425            |  |
| Điện áp khởi động (V)                                    |                                            |  | 140                |  |
| Dòng điện đầu vào tối đa trên mỗi MPPT (A)               |                                            |  | 20                 |  |
| Dòng điện ngắn mạch đầu vào tối đa trên mỗi MPPT (A)     |                                            |  | 32                 |  |
| Pin lưu trữ                                              |                                            |  |                    |  |
| Loại pin tương thích                                     | Lithium-ion/Lead-Acid                      |  |                    |  |
| Điện áp pin lưu trữ danh định (V)                        | 48                                         |  |                    |  |
| Dải điện áp pin lưu trữ (V)                              | 40~60                                      |  |                    |  |
| Dòng sạc/xả tối đa (A)                                   | 125                                        |  | 180                |  |
| Công suất sạc/ xả tối đa (W)                             | 6000                                       |  | 8000               |  |
| Kích hoạt pin lưu trữ từ PV                              | Có                                         |  |                    |  |
| Lưới điện                                                |                                            |  |                    |  |
| Điện áp AC đầu vào danh định (V)                         | 230                                        |  |                    |  |
| Tần số AC đầu vào danh định (Hz)                         | 50/60                                      |  |                    |  |
| Dòng điện AC đầu ra danh định (A)                        | 26                                         |  | 34.7               |  |
| Công suất AC đầu ra danh định (W)                        | 6000                                       |  | 8000               |  |
| Dòng điện AC đầu vào tối đa (A)                          | 52                                         |  |                    |  |
| Công suất AC đầu vào tối đa (W)                          | 12000                                      |  |                    |  |
| PF                                                       | 0.99(Có thể điều chỉnh +/- 0,8)            |  |                    |  |
| THDI                                                     | <3%                                        |  |                    |  |
| Dòng điện danh định qua relay BYPASS tối đa liên tục (A) | 52                                         |  |                    |  |
| GEN                                                      |                                            |  |                    |  |
| Điện áp GEN danh định (V)                                | 230                                        |  |                    |  |
| Tần số GEN danh định (V)                                 | 50/60                                      |  |                    |  |
| Dòng điện đầu vào cổng GEN danh định (A)                 | 52                                         |  |                    |  |
| Công suất đầu vào cổng GEN danh định (W)                 | 12000                                      |  |                    |  |
| UPS                                                      |                                            |  |                    |  |
| Công suất đầu ra danh định (W)                           | 6000                                       |  | 8000               |  |
| Điện áp đầu ra danh định (V)                             | 230                                        |  |                    |  |
| Dòng điện đầu ra danh định (A)                           | 26                                         |  | 34.7               |  |
| Tần số đầu ra danh định (Hz)                             | 50/60                                      |  |                    |  |
| Công suất tức thời/ thời gian                            | Gấp 2 lần công suất định mức trong 10 giây |  |                    |  |
| Thời gian chuyển mạch                                    | 7ms                                        |  |                    |  |
| Dạng sóng đầu ra                                         | Sóng Sin                                   |  |                    |  |
| THDV                                                     | <5%                                        |  |                    |  |
| Hiệu suất                                                |                                            |  |                    |  |
| Hiệu suất MPPT                                           | 99.9%                                      |  |                    |  |
| Hiệu suất sạc/xả tối đa                                  | 95.0%                                      |  |                    |  |
| Bảo vệ                                                   |                                            |  |                    |  |
| Bảo vệ quá dòng/ quá áp                                  | Có                                         |  |                    |  |
| Bảo vệ chống phát ngược khi mất lưới                     | Có                                         |  |                    |  |
| Bảo vệ ngắn mạch AC                                      | Có                                         |  |                    |  |
| Bảo vệ dòng rò                                           | Có                                         |  |                    |  |
| AFCI                                                     | Tuỳ chọn                                   |  |                    |  |
| Cảnh báo lỗi tiếp địa                                    | Có                                         |  |                    |  |
| Giám sát lưới đầu vào                                    | Có                                         |  |                    |  |
| Công tắc DC Switch                                       | Có                                         |  |                    |  |
| Chống sét DC/AC                                          | Type III                                   |  |                    |  |
| Tổng quan                                                |                                            |  |                    |  |
| Kích thước (W*H*D)                                       | TBD                                        |  |                    |  |
| Khối lượng (Kg)                                          | TBD                                        |  |                    |  |
| Cấp bảo vệ                                               | IP66                                       |  |                    |  |
| Độ ẩm cho phép                                           | 0~95%                                      |  |                    |  |
| Dải nhiệt độ môi trường hoạt động(°C)                    | -25~60, giảm công suất khi >45°C           |  |                    |  |
| Dải nhiệt độ lưu kho(°C)                                 | -40~65                                     |  |                    |  |
| Màn hình và các cổng kết nối                             | Màn hình màu cảm ứng, RS485/Wifi/CAN       |  |                    |  |
| Bảo hành                                                 | 5 Năm                                      |  |                    |  |
| Phương thức làm mát                                      | Làm mát tự nhiên                           |  | Làm mát thông minh |  |
| Nguyên lý chuyển đổi AC/Pin lưu trữ                      | Không biến áp                              |  |                    |  |
| Độ cao (m)                                               | 2000, > 2000 Giảm tải                      |  |                    |  |
| Độ ồn điển hình (dB)                                     | 30                                         |  | 50                 |  |
| Tiêu chuẩn & chứng nhận                                  |                                            |  |                    |  |